TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢN ÁN SỐ: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2024

V/v: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Tín

2. Ông Lý Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn R, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp E, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-9-2023 và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Lâm Thị N trình bày:

Chị và anh Đặng Văn R chung sống với nhau vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G vào năm 2005. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà cha mẹ ruột của chị đến khi ly thân.

Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh R không lo làm ăn, cờ bạc dẫn đến bán tài sản trong gia đình để trả nợ nên anh chị thường xuyên gây gỗ đến tháng 7 năm 2023 sống ly thân đến nay mà không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ. Nay chị nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh R không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là cháu Đặng Duy T, sinh ngày 18-02-2008 và Đặng Thị Duy T1, sinh ngày 14-4-2013 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh R cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Đối với nữ trang ngày cưới vợ chồng chị đã bán để tiêu xài nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn R: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ nhưng vẫn không đến Tòa án để làm việc và không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị N nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chị N đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh R không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị N đối với anh Đặng Văn R. Về con chung: Giao 02 cháu Đặng Duy T, sinh ngày 18-02-2008 và Đặng Thị Duy T1, sinh ngày 14-4-2013 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt

không có lý do nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh R chung sống với nhau vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G vào năm 2005 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhân và bảo vệ. Nay chị N có yêu cầu ly hôn với anh R Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N: Theo chị N trình bày, anh R không lo làm ăn, cờ bạc dẫn đến bán tài sản trong gia đình để trả nợ nên anh chị thường xuyên gây gỗ. Đối với anh R, nhiều lần Tòa án triệu tập để làm rõ mâu thuẫn nhưng anh R không đến, không có thiện chí để đoàn tụ. Cho thấy, giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh R là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Đặng Duy T, sinh ngày 18-02-2008 và Đặng Thị Duy T1, sinh ngày 14-4-2013. Hiện 02 cháu đang sống ổn định với chị N, qua làm việc 02 cháu có nguyện vọng được sống chung với chị N. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử sụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị N đối với anh Đặng Văn R. Chị N được ly hôn với anh R.

2. Về con chung: Giao chị N có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Đặng Duy T, sinh ngày 18-02-2008 và Đặng Thị Duy T1, sinh ngày 14-4-2013. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

Anh R có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0013318 ngày 13-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Kim Quyên